

## **KHAI THÁC TÀI SẢN TRÍ TUỆ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM**

**Phạm Hồng Quát, Lương Văn Thường<sup>1</sup>**  
Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN

**Nguyễn Minh Ngọc**  
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

**Lê Ngọc Mỹ**  
Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

---

### **Tóm tắt:**

*Khai thác tài sản trí tuệ (TSTT) sẽ góp phần tạo nguồn lực tài chính ổn định cho các chủ thể chính của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) và hệ thống ĐMST quốc gia, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân sáng tạo thêm nhiều TSTT, doanh nghiệp tăng cường ĐMST, nhà khoa học, viện, trường, nhà khởi nghiệp và các nhà đầu tư tham gia tích cực vào các dự án khởi nghiệp, qua đó thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST và hệ thống ĐMST quốc gia. Bài báo phân tích triển vọng, thách thức, kinh nghiệm quốc tế và cơ sở pháp lý về khai thác TSTT thành công cụ tài chính, trên cơ sở đó gợi mở về khung chính sách tại Việt Nam.*

**Từ khóa:** Tài sản trí tuệ; Công cụ tài chính; Đổi mới sáng tạo; Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; Hệ sinh thái khởi nghiệp; Định giá tài sản trí tuệ.

**Mã số:** 21071201

## **EXPLOITING INTELLECTUAL PROPERTY TO PROMOTE THE DEVELOPMENT OF INNOVATIVE STARTUP ECOSYSTEM AND NATIONAL INNOVATION SYSTEM IN VIETNAM**

### **Abstract:**

*Exploiting intellectual property (IP) will contribute to creating stable financial resources for the key actors of the innovative startup ecosystem and the national innovation system, generating motivation for organizations and individuals create more intellectual property, businesses increase innovation, scientists, institutes, entrepreneurs and investors participate in the innovation based startup projects, thereby promoting the development of the innovative startup ecosystem and the national innovation system. This article has analyzed the prospects, challenges, international experiences and legal regulations of utilizing IP assets as financial instruments. On that basis, policy framework suggestions in Vietnam are proposed.*

**Keywords:** Intellectual property; Financial instruments; National innovation system; Innovative startup ecosystem; Valuation.

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: vanthuong@gmail.com

## 1. Mở đầu

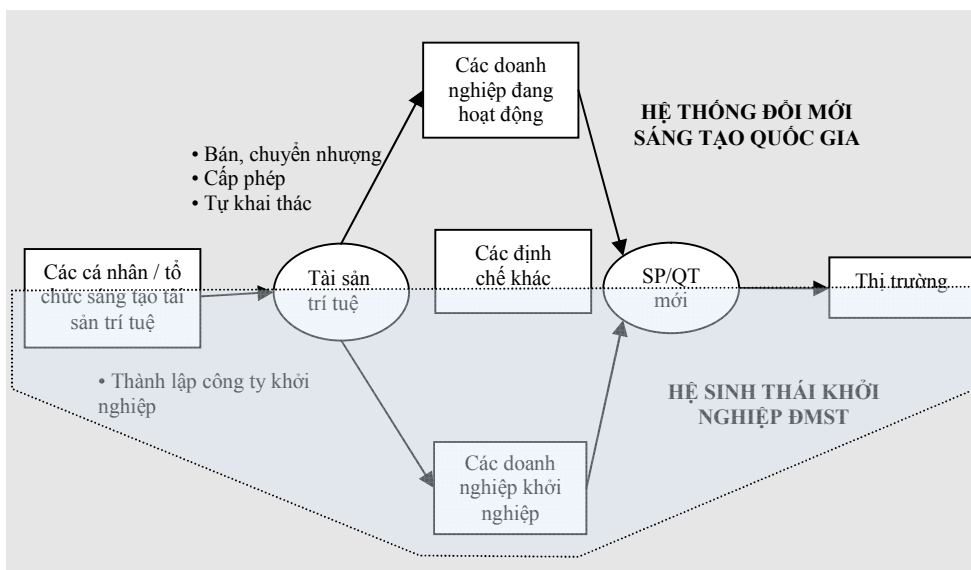
Khai thác tài sản trí tuệ (TSTT), trong đó khai thác TSTT thành công cụ tài chính là làm nghiệp vụ quan trọng để tạo nguồn lực, đặc biệt là tài sản tài chính cho chủ sở hữu TSTT. Tài sản tài chính là quyền sở hữu của một thực thể, được nắm giữ nhằm mục đích tạo ra doanh thu. Giống như bất kỳ các loại tài sản khác, TSTT có thể được bán, cấp phép, sử dụng làm tài sản thế chấp hoặc tài sản bảo đảm cho tài chính nợ, hoặc nó có thể cung cấp cơ sở bổ sung hoặc thay thế để tìm kiếm vốn chủ sở hữu từ các nhà đầu tư tư nhân, nhà đầu tư mạo hiểm, tổ chức tài chính chuyên biệt và một số trường hợp từ các ngân hàng (Verma, 2006). Mặc dù, TSTT có thể được khai thác thành các công cụ tài chính dưới hình thức mời vốn chủ sở hữu hoặc huy động vốn nợ, tuy nhiên, hình thức vay nợ trên cơ sở TSTT ít phổ biến hơn (Radauer, 2020).

Bài viết tập trung phân tích tổng quan các nghiên cứu về khai thác TSTT nhằm thúc đẩy sự phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và hệ thống ĐMST quốc gia gồm kinh nghiệm quốc tế và gợi suy một số vấn đề về khung chính sách thúc đẩy hiệu quả việc khai thác TSTT.

## 2. Quan hệ giữa tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia

TSTT có thể được tạo ra bởi các cá nhân/tổ chức (có thể trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp hoặc cá nhân); có bốn kênh cơ bản để biến TSTT thành ĐMST (bán hoặc chuyển nhượng; cấp phép sử dụng; thành lập công ty khởi nghiệp; khai thác nội bộ). Một phần của hệ thống ĐMST quốc gia được cấu thành các chủ thể tham gia vào quá trình chuyển đổi các TSTT thành ĐMST với tư cách là người sáng tạo ra các TSTT và người khai thác TSTT (thực hiện đổi mới) và các kênh chuyển đổi TSTT thành ĐMST. Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST là một bộ phận của hệ thống ĐMST quốc gia thực hiện/hỗ trợ quá trình chuyển đổi TSTT thành ĐMST thông qua các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Quan hệ giữa TSTT, ĐMST, hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST và hệ thống ĐMST quốc gia có thể biểu diễn thông qua mô hình tại Hình 1.

Theo mô hình này mục tiêu của hệ thống ĐMST quốc gia là tạo ra các sản phẩm, quy trình được đổi mới, có tính sáng tạo để đưa ra thị trường. ĐMST được tạo ra bởi các doanh nghiệp đang hoạt động trên cơ sở TSTT được bán, chuyển giao, cấp phép hoặc tự khai thác từ các tổ chức sáng tạo TSTT hoặc được tạo ra bởi các công ty khởi nghiệp được hình thành để thương mại hóa các TSTT. Các tổ chức/cá nhân sáng tạo TSTT có thể là các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hoặc các cá nhân. Các định chế khác là các tổ chức hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi TSTT từ các cá nhân/tổ chức sáng tạo công nghệ thành các sản phẩm mới/quy trình mới để đáp ứng nhu cầu thị trường. Các định chế này có thể là các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính, các tổ chức trung gian KH&CN, các hiệp hội ngành nghề,...



Nguồn: nhóm nghiên cứu (2021)

**Hình 1.** Tài sản trí tuệ, ĐMST, hệ sinh thái khởi nghiệp khởi nghiệp ĐMST trong hệ thống ĐMST quốc gia (NIS)

Mô hình trên chỉ ra rằng, để thúc đẩy ĐMST đòi hỏi các tổ chức sáng tạo TSTT cần tạo ra nhiều TSTT hơn; sau khi các TSTT được tạo ra, chúng cần được khai thác (bán, chuyển nhượng, cấp phép sử dụng, khởi nghiệp) một cách nhanh chóng. Tuy vậy, các nghiên cứu khác nhau chỉ ra rằng mặc dù TSTT là một loại tài sản, việc khai thác các tài sản này thành sản phẩm, quy trình được đổi mới, có tính sáng tạo gặp nhiều cản trở do khó khăn để tìm ra người cung cấp/tiếp nhận phù hợp cho một TSTT, tính phức tạp trong quá trình chuyển giao, không có phương pháp chuẩn để xác định giá trị TSTT (Radauer, 2020). Bên cạnh đó, quá trình giao dịch chậm chạp sẽ làm cho các tổ chức nghiên cứu/sáng tạo ra TSTT gặp khó khăn về tài chính; ngoài ra khó khăn về tài chính có thể trầm trọng hơn khi các nhà khởi nghiệp và các tổ chức tiếp nhận công nghệ rất khó sử dụng tài sản để gọi vốn hoặc vay vốn. Những khó khăn tài chính này gián tiếp cản trở tiến trình biến TSTT thành ĐMST (sản phẩm, quy trình) (SP/QT).

### 3. Khai thác tài sản trí tuệ thành nguồn lực tài chính

#### 3.1. Xác định giá trị tài sản trí tuệ của doanh nghiệp

TSTT cũng như nhiều tài sản khác, có tiềm năng trở thành công cụ để huy động nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay cho các chủ thể chủ chốt trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST và hệ thống ĐMST quốc gia. Vì vậy,

việc xác định giá trị của TSTT là rất quan trọng để doanh nghiệp có thể huy động nguồn lực từ loại hình tài sản này. Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST, các nhà đầu tư trong giai đoạn sớm như nhà đầu tư thiên thần (Angel Investors) và quỹ đầu tư mạo hiểm (VC) là hai đối tượng phổ biến được trông đợi nhiều nhất. Các phương pháp định giá phổ biến gồm: (i) Phương pháp đầu tư mạo hiểm (VC methods) định giá dựa trên lợi nhuận kỳ vọng tại thời điểm thoái vốn (ROI); (ii) Phương pháp Berkus định giá dựa trên giá trị bằng tiền của 5 yếu tố thành công chính của doanh nghiệp khởi nghiệp (ý tưởng, công nghệ, chất lượng nhóm điều hành, quan hệ chiến lược, khả năng triển khai sản phẩm và bán hàng); (iii) Phương pháp scorecard tham chiếu giá trị định giá trung bình của các thương vụ tương tự trong khu vực và trong cùng ngành, sau đó điều chỉnh tăng/giảm dựa trên các tiêu chí trọng yếu để xác định giá trị công ty cần định giá; và (iv) Phương pháp tổng rủi ro so sánh 12 đặc tính của công ty khởi nghiệp với kỳ vọng. Đối với doanh nghiệp truyền thống, các phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF), P/E hay EV/EBITDA là khá phổ biến, tuy nhiên, hầu như không được sử dụng cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST vì mô hình tài chính phức tạp của các phương pháp trong khi sổ sách của các doanh nghiệp này thường rất “sơ khai”, không phản ánh đầy đủ giá trị tài sản của doanh nghiệp (thường là TSTT tự tạo ra và không được ghi nhận theo các quy định kế toán).

### ***3.2. Triển vọng của việc khai thác tài sản trí tuệ thành nguồn lực tài chính***

Xu hướng khai thác TSTT thành công cụ tài chính bắt đầu ở các nền kinh tế phát triển từ giữa những năm 1990. Việc thế chấp các khoản vay thương mại và tài trợ ngân hàng bằng cách cấp lãi suất bảo đảm dựa trên TSTT ngày càng trở nên phổ biến. Tiền bản quyền và các khoản thu từ cấp tín dụng đối với TSTT là nguồn thu nhập lớn và việc chứng khoán hóa loại tài sản này có thể được sử dụng để tăng tiềm lực tài chính cho doanh nghiệp. Đối với hoạt động chứng khoán hóa, việc định giá hợp lý TSTT là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo các khoản vay hoặc trợ cấp tài chính cho hoạt động kinh doanh (Verma, 2006). TSTT với hai đặc điểm hấp dẫn có thể giúp các doanh nghiệp thu hút vốn đầu tư mới hoặc có được các điều kiện tài chính thuận lợi hơn. Thứ nhất, TSTT và các quyền đối với TSTT tiết lộ cho các nhà đầu tư về chất lượng quản lý, khả năng nghiên cứu và phát triển công nghệ của doanh nghiệp. Thứ hai, với tư cách là các nguồn lực kinh tế được bảo vệ hợp pháp, TSTT và các quyền đối với TSTT có thể giúp nâng cao lợi nhuận dự kiến của một doanh nghiệp, có thể được tách ra khỏi hoạt động kinh doanh và bán hàng trong trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính (OECD, 2015a).

Việc khai thác TSTT thành công cụ tài chính sẽ góp phần tạo nguồn lực tài chính ổn định cho các chủ thể nắm giữ, đặc biệt là các chủ thể đang hoạt động, tương tác trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và hệ thống ĐMST quốc gia, tạo động lực cho tổ chức, cá nhân tạo thêm nhiều TSTT, doanh nghiệp tăng cường ĐMST, viện nghiên cứu, trường đại học, nhà khoa học, nhà khởi nghiệp, nhà đầu tư,... tham gia tích cực vào các dự án khởi nghiệp; góp phần phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nguồn, doanh nghiệp KH&CN qua đó thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, hoàn thiện và phát triển hệ thống ĐMST quốc gia.

**(i) Khai thác TSTT thành nguồn lực tài chính dưới hình thức sở hữu ở các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo**

TSTT có vai trò quan trọng trong việc tăng vốn đầu tư và thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Quỹ đầu tư mạo hiểm thường ưu tiên đặt tiền vào doanh nghiệp nắm giữ TSTT. Nhà đầu tư mạo hiểm thích tài trợ cho các doanh nghiệp có sáng chế đang được đăng ký hoặc đã được cấp bằng (*Radauer, 2020*). Lý do cơ bản là: *thứ nhất*, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thường chưa có doanh số lớn để có thể chứng minh ý tưởng của họ có giá trị trong khi các sáng tạo kỹ thuật được cấp bằng sáng chế cho thấy họ đã vượt qua các tiêu chuẩn để được cấp bằng; *thứ hai*, bằng sáng chế cung cấp một số đảm bảo rằng các sáng tạo kỹ thuật đằng sau một doanh nghiệp khởi nghiệp có thể không dễ dàng bị sao chép bởi doanh nghiệp khác; *thứ ba*, nếu doanh nghiệp khởi nghiệp bị phá sản, có thể bán hoặc cấp phép sử dụng bằng sáng chế cho các tổ chức khác, tức là có thể hạn chế được thiệt hại của nhà đầu tư; *thứ tư*, bằng sáng chế “là một tín hiệu” thu hút sự chú ý của các nhà đầu tư, giúp cho doanh nghiệp khởi nghiệp dễ dàng được chú ý trên thị trường (*Radauer, 2020*).

**(ii) Khai thác TSTT thành công cụ thu hút các khoản vay**

- *Vay vốn dựa vào TSTT (IP-backed-lending)*: Vay vốn được hỗ trợ bằng TSTT cho phép các doanh nghiệp khai thác giá trị kinh tế của TSTT mà họ sở hữu để vay vốn từ các ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính khác. Quyền đối với TSTT có thể được cầm cố trực tiếp như một tài sản thế chấp trong một hợp đồng vay, để bên cho vay có thể thu giữ quyền sở hữu đó nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán. Ngoài ra, các quyền đối với thu nhập do TSTT tạo ra trong tương lai có thể được dùng để trả các khoản nợ. Một công cụ đơn giản và được sử dụng thường xuyên từ danh mục này là một khoản vay được đảm bảo bằng dòng doanh thu có được từ các thỏa thuận cấp phép sử dụng hoặc tiền bản quyền, thường liên quan đến danh mục bản quyền hoặc bằng sáng chế. Khoản tài trợ tiền bản quyền này ước tính đạt 3,3 tỷ USD trong giai đoạn 2007-2008 tại Hoa Kỳ (*OECD, 2015b*).

- *Chứng khoán hóa dựa vào TSTT (IP-backed securitization)*: Chứng khoán hóa các tài sản được hỗ trợ bởi TSTT bao gồm việc đặt một TSTT hoặc các quyền đối với doanh thu dự kiến của TSTT đó (ví dụ: tiền bản quyền) thông qua một phương tiện đặc biệt (SPV), trên cơ sở đó, phát hành chứng khoán trên thị trường vốn. Bằng cách này, các tổ chức cho vay có thể loại bỏ rủi ro khi nắm giữ TSTT trong khi doanh nghiệp gốc có thể có được các điều kiện tài trợ thuận lợi hơn. Điều này là do chứng khoán phát hành qua SPV về lý thuyết được tách biệt khỏi rủi ro của doanh nghiệp và do đó có thể nhận được xếp hạng tín dụng thuận lợi hơn. Hiện tại, chứng khoán hóa là lựa chọn chủ yếu dành cho các tập đoàn lớn (OECD, 2015b).
- *Bán TSTT và thuê lại (IP sale and lease back)*: Trong “bán và thuê lại TSTT”, một doanh nghiệp bán TSTT của mình cho một nhà đầu tư chuyên biệt để đổi lấy nguồn vốn ngay lập tức, đồng thời mua giấy phép sử dụng lại TSTT đó cho các hoạt động và sản phẩm được bảo vệ bằng quyền SHTT của mình. Khi kết thúc một thời hạn cụ thể, doanh nghiệp thường giữ quyền chọn mua lại TSTT với mức giá xác định trước. Ưu điểm của mô hình này là doanh nghiệp có thể tăng tính thanh khoản cho các hoạt động ngắn hạn trong khi vẫn duy trì việc sử dụng TSTT của mình. Cũng như chứng khoán hóa, các tập đoàn lớn là những tổ chức sử dụng thường xuyên nhất công cụ bán và thuê lại (OECD, 2015b).
- *Nợ mạo hiểm (venture debt)*: Nợ mạo hiểm là một công cụ tài chính có cả đặc điểm nợ và vốn chủ sở hữu. Về mặt hình thức, trong mô hình này, doanh nghiệp tiếp cận tài trợ vốn dưới hình thức một khoản vay mà doanh nghiệp đồng ý trả lãi, đồng thời phát hành chứng quyền đối với vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp, được bên cho vay mua lại. Khi được triển khai hiệu quả, cấu trúc như vậy sẽ kết hợp vai trò “vốn dài hạn” của tài trợ vốn cổ phần với khả năng đánh giá và định giá rủi ro của một tổ chức cho vay. TSTT đại diện cho một tài sản quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các giao dịch này, nhưng cần lưu ý rằng, khoản vay thường được hỗ trợ bởi một quyền thế chấp chung, tức là quyền yêu cầu bồi thường đối với tất cả các tài sản của doanh nghiệp trong trường hợp không có khả năng trả nợ (OECD, 2015b).

Các thách thức về định giá, tính thanh khoản và khả năng thực thi đều là những thách thức lớn đối với việc sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp trong tài chính nợ. Ngoài ba rào cản này, còn có những rào cản đối với tài trợ nợ dựa trên TSTT. Một trong những rào cản đó là các quy định dành cho ngân hàng. Các tiêu chuẩn như Basel-III đặt ra một khuôn khổ yêu cầu rất nghiêm ngặt về lượng vốn mà ngân hàng cần dành ra để phù hợp với rủi ro liên quan đến một số loại tài sản đảm bảo. TSTT có thể không đáp ứng các tiêu chí này. Cuối cùng, trong khi các nhà đầu tư mạo hiểm xem xét toàn bộ

doanh nghiệp và triển vọng tương lai của nó, thì các nhà cấp vốn (nhà tài trợ nợ) chỉ đánh giá tài sản thế chấp, tức là TSTT. Đây có thể là một yếu tố quan trọng giải thích tại sao huy động vốn chủ sở hữu dựa trên TSTT hiện đang thành công hơn so với huy động vốn bằng cách phát hành công cụ nợ (tài trợ nợ) dựa trên TSTT vẫn còn non trẻ (Radauer, 2020).

### ***(iii) Khai thác TSTT thành công cụ thu hút vốn chủ sở hữu***

Hình thức khai thác TSTT thành công cụ thu hút vốn chủ sở hữu chủ yếu đang được áp dụng ở các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể nhận tài trợ theo nhiều cách khác nhau, bao gồm đầu tư từ các doanh nghiệp đang hoạt động, đầu tư tư nhân, tài trợ của chính phủ, huy động vốn cộng đồng, đầu tư công, giải thưởng (Tripathi et al., 2019).

- *Đầu tư từ các doanh nghiệp đang hoạt động*: Các doanh nghiệp đã thành lập có thể là một trong những nguồn tài trợ quan trọng đối với doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Ví dụ, ở Nhật Bản, các doanh nghiệp đang hoạt động, so với các nguồn khác, cung cấp một lượng vốn lớn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Mục tiêu chính của đầu tư là tạo cơ hội cùng có lợi cho cả hai bên: các doanh nghiệp đã thành lập có thể sử dụng cơ hội để đầu tư vào nghiên cứu và phát triển thông qua phương tiện khởi nghiệp, trong khi doanh nghiệp khởi nghiệp có thể giành được sự tin tưởng của khách hàng nếu các doanh nghiệp đã thành lập hỗ trợ họ. Một ví dụ khác là Tập đoàn Nokia ở Phần Lan, đã đầu tư một số tiền khổng lồ trong hai thập kỷ qua, phối hợp với Chính phủ để nuôi dưỡng tài năng và hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong nước (Tripathi et al., 2019);
- *Tài trợ từ các quỹ đầu tư hạt giống*: Nguồn tài trợ thay thế có thể là đầu tư hạt giống, trong đó, các doanh nhân thành đạt trong quá khứ đóng vai trò chính. Đầu tư hạt giống là loại hình đầu tư phổ biến nhất trong giai đoạn đầu của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và có thể được sử dụng để phát triển sản phẩm và kinh doanh trong giai đoạn đầu. Tuy nhiên, nếu một khu vực thiếu cơ cấu tài chính phù hợp, việc tìm kiếm nguồn đầu tư hạt giống là một thách thức. Các tổ chức tăng tốc khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, nhà đầu tư thiên thần và nhà khởi nghiệp có thể cung cấp nguồn đầu tư hạt giống. Các tổ chức tăng tốc khởi nghiệp và vườn ươm có thể đầu tư trực tiếp, song song với hướng dẫn kêu gọi tài trợ trong tương lai cho các doanh nghiệp khởi nghiệp trong các giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư thiên thần là nguồn đầu tư hạt giống quan trọng và có thể tạo thành nguồn tài trợ lớn thứ hai, sau chính phủ và các quỹ đầu tư mạo hiểm. Động cơ của các nhà đầu tư thiên thần là nếu một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thành công, khoản đầu tư của họ có thể biến thành lợi nhuận khổng lồ. Ngoài ra, vốn đầu tư từ các nhà đầu tư thiên thần giai đoạn đầu có lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, vì nó có thể cải thiện khả năng nhận được vốn đầu

tư mạo hiểm của doanh nghiệp khởi nghiệp sau này. Một nguồn đầu tư hạt giống khác là vốn của nhà khởi nghiệp, phổ biến đối với nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp; ở đây, nguồn tài trợ được tạo ra từ tiền tiết kiệm của người sáng lập hoặc các thành viên gia đình, người thân và bạn bè. Nguồn vốn từ nhà khởi nghiệp khuyến khích những người sáng lập cần thận trọng việc sử dụng nguồn vốn này và thúc đẩy họ tạo ra nhiều lợi nhuận hơn so với các doanh nghiệp khởi nghiệp được tài trợ từ các nguồn khác (Tripathi et al., 2019);

- *Quỹ đầu tư mạo hiểm (VC)*: Quy mô của một hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST có thể được tính toán dựa trên số lượng quỹ VC đầu tư vào hệ sinh thái. Quỹ VC được sử dụng khi các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo mong muốn mở rộng hoạt động kinh doanh và cần nguồn vốn lớn để phát triển mạnh hơn. Các quỹ VC có thể ở dạng quốc tế hoặc nội địa. Quỹ VC nội địa thường cấp vốn từ giai đoạn đầu, trong khi các quỹ VC quốc tế cấp vốn trong các giai đoạn sau với mục đích đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp hàng đầu trên phạm vi toàn cầu. Các ngân hàng cũng cấp vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp dưới hình thức cho vay, và họ hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp trong việc cải thiện và đánh giá tính khả thi của kế hoạch kinh doanh. Một nguồn quỹ khác là huy động vốn cộng đồng, trong đó, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST bán cổ phiếu của họ cho công chúng để tạo nguồn tiền. Tuy nhiên, các khoản vay ngân hàng và huy động vốn cộng đồng được coi là các nguồn tài trợ ít phổ biến hơn. Các quỹ của chính phủ là nguồn tài trợ quan trọng cho nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp. Các chính phủ tạo ra quỹ đầu tư để thiết lập một môi trường tối ưu cho các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong các ngành, lĩnh vực (Tripathi et al., 2019).

### **3.3. Thách thức tài chính trong khai thác tài sản trí tuệ thành công cụ tài chính**

- (i) Thị trường chứng khoán dựa trên TSTT còn nhỏ do số lượng người mua và người bán SHTT có hạn; việc mở rộng các khoản vay được bảo đảm bằng TSTT vẫn chưa phổ biến; trên thực tế, nó được các nhà đầu tư mạo hiểm áp dụng hơn là các ngân hàng (Verma, 2006).
- (ii) TSTT không được nêu rõ ràng trên bảng cân đối kế toán của hầu hết các doanh nghiệp. Lý do chủ yếu là do yêu cầu của quá trình thẩm định chi tiết, sự thiếu hiểu biết chung trong cộng đồng tài chính về tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền SHTT (Verma, 2006).
- (iii) *Thị trường TSTT chưa phát triển*: Các thị trường thứ cấp cho TSTT được cho là kém phát triển để đảm bảo việc bán lại các tài sản này một cách nhanh chóng với chi phí thấp, và điều này tạo ra rào cản lớn cho chủ nợ



khi họ cần bán TSTT được thế chấp. Đối với ngân hàng, vấn đề này là rào cản lớn vì các tổ chức này thường không có nhiều kiến thức để đánh giá rủi ro về TSTT hoặc bán TSTT trên các thị trường không chính thức và không có tính thanh khoản (OECD, 2015a).

- (iv) *Chi phí giao dịch cao đối với tài sản thế chấp*: Việc cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ phải chịu chi phí giao dịch cao vì một số lý do. Trước hết, thông tin không cân xứng nghiêm trọng làm tăng chi phí cần thiết để thu thập bằng chứng thuyết phục về mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp. Ngoài ra, trong bối cảnh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sử dụng nhiều TSTT, sự hiện diện của TSTT có thể đại diện cho một giá trị nhưng cũng có thể được coi là một nguồn không chắc chắn về lợi nhuận kỳ vọng của các dự án của doanh nghiệp và về giá trị của TSTT, vốn có thể thay đổi thường xuyên (OECD, 2015a).
- (v) *Các ngân hàng không hiểu đầy đủ về TSTT*: Để thế chấp TSTT, các tổ chức tài chính cần hiểu chức năng, mối quan hệ của TSTT với các dòng tiền và giá trị tiềm năng của nó nếu được xử lý tách biệt khỏi doanh nghiệp. Rõ ràng, các yếu tố nêu trên làm cho sự hiểu biết này khó đạt được. Hầu hết các tổ chức tài chính - đặc biệt là các ngân hàng - chưa phát triển các phương pháp cần thiết để thực hiện việc đánh giá TSTT (OECD, 2015a).

#### **4. Kinh nghiệm quốc tế về khai thác tài sản trí tuệ thành nguồn lực tài chính ở một số quốc gia**

Để vượt qua những thách thức trong việc biến TSTT thành một công cụ huy động tài chính, một số chính phủ đã can thiệp và thúc đẩy thị trường tài chính nợ dựa trên TSTT.

Trung Quốc triển khai các chương trình của Chính phủ nhằm thúc đẩy việc sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp bằng cách cung cấp các khoản trợ cấp lãi suất, hình thành các quỹ đặc biệt cho ngân hàng, cũng như thiết lập các công cụ định giá để giảm rủi ro cho vay. Từ năm 2018 đến tháng 9/2019, có thông tin cho rằng chỉ riêng ở tỉnh Quảng Đông, tổng số tiền cho vay thế chấp bằng sáng chế có trị giá 30 tỷ nhân dân tệ (hơn 4 tỷ USD) và “hàng nghìn” doanh nghiệp đã được hưởng lợi từ các kế hoạch này. Ở Singapore, một chương trình hỗ trợ thế chấp TSTT đã được triển khai vào năm 2014, tuy nhiên, đã ngừng hoạt động vào năm 2018, hiện đang được Singapore đánh giá lại để ban hành theo mô hình mới cho giai đoạn tới. Ngoài ra, Singapore cũng đang phát triển nền tảng ĐMST mở (OIP), theo đó, các vấn đề về kinh tế, xã hội, KH&CN, các vấn đề của doanh nghiệp,... sẽ được đặt thành những bài toán cụ thể để kêu gọi cộng đồng gồm doanh nghiệp (SME, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, spinoff, các tập đoàn,...), viện nghiên cứu, trường đại học sử dụng TSTT của mình hoặc đề xuất các giải pháp về kỹ thuật, công nghệ,... nhằm giải quyết các vấn đề đó.

Ở Hàn Quốc, nơi Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc (KDB) được cho là đã ứng trước 100 triệu USD cho 80 doanh nghiệp sở hữu nhiều TSTT dưới hình thức các khoản vay có thể chấp. Tại Malaysia, Chương trình tài trợ cho TSTT (IPFS) có trị giá 200 triệu RM được cung cấp thông qua Malaysia Debt Ventures Bhd để hỗ trợ việc sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp.

Một vấn đề đối với các chương trình này là những thành công và thách thức của chương trình không được đánh giá công khai (Radauer, 2020).

## 5. Một số đề xuất khung chính sách khai thác tài sản trí tuệ thành công cụ tài chính

### 5.1. Gợi mở về cơ sở pháp lý điều chỉnh một số vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ

Hiện nay, quyền SHTT và vấn đề về TSTT được điều chỉnh trong nhiều văn bản khác nhau như Bộ luật Dân sự, Luật SHTT, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Luật Chuyển giao công nghệ quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng SHTT có thể xác định được giá trị là quyền tài sản (Điều 35<sup>2</sup>). Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ đã cụ thể hóa quy định này nhằm tạo nguồn lực và cơ chế bảo đảm cho giao dịch dân sự, kinh tế dựa trên TSTT và đối tượng quyền SHTT (Điều 11<sup>3</sup>) với việc ghi nhận quyền tài sản đối với quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN, quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng SHTT và quyền khác phát sinh từ kết quả nhiệm vụ KH&CN, đối tượng SHTT theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ quy định quyền phát sinh từ quyền SHTT có giá trị tài sản (Điều 17<sup>4</sup>). Nghị định số

<sup>2</sup> Quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền khác phát sinh từ KQNC khoa học và phát triển công nghệ, đối tượng sở hữu trí tuệ có thể xác định được giá trị là quyền tài sản.

<sup>3</sup> Các đối tượng sau đây được dùng làm tài sản bảo đảm cho giao dịch vay vốn để thực hiện các dự án KH&CN, khởi nghiệp sáng tạo, phát triển sản xuất, kinh doanh từ KQNC khoa học và phát triển công nghệ:

- Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định của pháp luật KH&CN, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công có thể xác định được giá trị là quyền tài sản;
- Quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ có thể xác định được giá trị là quyền tài sản;
- Quyền khác phát sinh từ kết quả nhiệm vụ KH&CN, đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật có thể xác định được giá trị là quyền tài sản.

<sup>4</sup> Chủ sở hữu quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, hoạt động khoa học, công nghệ được dùng quyền tài sản đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền sở hữu, quyền sử dụng KQNC khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ; quyền khác trị giá được bằng tiền phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin, hoạt động khoa học, công nghệ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN (điểm a khoản 1 Điều 41<sup>5</sup>) và Luật Doanh nghiệp 2020 (khoản 1 Điều 34<sup>6</sup>) quy định về quyền góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền SHTT.

Thông tư liên tịch số 39/2014/TT-BKHCN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính Quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, TSTT sử dụng ngân sách nhà nước đưa ra định nghĩa về TSTT<sup>7</sup> làm cơ sở cho việc đưa ra các quy định về hình thức, chi phí định giá, các bước định giá,... Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ Tài chính đã sử dụng khái niệm TSTT nhưng chưa được định nghĩa rõ.

TSTT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 là rất quan trọng trong giao dịch thương mại, đầu tư, gọi vốn, góp vốn, cổ phần hóa, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp. Các quy định trên là cơ sở pháp lý ghi nhận TSTT là một loại tài sản, có thể xác định được giá trị, do đó, các quyền phát sinh từ TSTT có thể được dùng làm tài sản huy động tài chính để tạo nguồn lực và cơ chế bảo đảm cho giao dịch dân sự, kinh tế dựa trên TSTT và đối tượng quyền SHTT, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST tại Việt Nam.

## ***5.2. Gợi mở về một số nội dung để hoàn thiện khung chính sách tại Việt Nam***

Pháp luật về SHTT đóng vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sáng tạo, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần khuyến khích hoạt động nghiên cứu, đổi mới, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Luật SHTT đang được sửa đổi để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế về SHTT, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến các cơ chế sở hữu, chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với sáng chế. Đây cũng là cơ hội cho việc thúc đẩy, khai thác TSTT thành nguồn lực tài chính một cách hiệu quả dưới các hình thức khác nhau. Từ nghiên cứu tổng quan nêu trên, một số gợi mở để hoàn thiện khung chính sách được đề xuất như sau:

---

<sup>5</sup> Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng KQNC khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có các quyền sau: Thực hiện quyền sở hữu, quyền sử dụng theo đúng quy định của pháp luật chuyển giao công nghệ, pháp luật sở hữu trí tuệ, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quyết định giao quyền từ đại diện chủ sở hữu nhà nước.

<sup>6</sup> Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.

<sup>7</sup> Tài sản trí tuệ là tài sản vô hình, có tính sáng tạo, xác định được, kiểm soát được và có khả năng mang lại lợi ích kinh tế cho chủ sở hữu tài sản đó.

- (i) Nghiên cứu triển khai thí điểm cơ chế có kiểm soát (sandbox policy) cho phép các quỹ (Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ KH&CN của doanh nghiệp), ngân hàng, tổ chức tài chính,... trợ cấp lãi suất, hỗ trợ thế chấp hoặc bảo lãnh các khoản vay sử dụng TSTT làm tài sản thế chấp để tạo nguồn lực tài chính cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó quyền phát sinh từ TSTT cần phải được thế chấp cùng với loại tài sản khác của doanh nghiệp để bảo đảm điều kiện khai thác TSTT trong sản xuất kinh doanh của bên được chuyển giao khi xử lý tài sản thế chấp;
- (ii) Bổ sung khái niệm về TSTT trong Luật SHTT hoặc các văn bản hướng dẫn thi hành khi Luật SHTT sửa đổi được Quốc hội thông qua đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đặc biệt là các quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật chuyên ngành, ban hành cơ chế khuyến khích khai thác TSTT thành công cụ tài chính, tạo nguồn lực từ tài sản vô hình cho phát triển các mô hình doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nguồn (spinoff), doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST trong Luật SHTT hoặc Luật KH&CN khi sửa đổi các Luật này;
- (iii) Bổ sung trong pháp luật dân sự liên quan đến thực hiện biện pháp bảo đảm một số quy định về TSTT, quyền phát sinh từ quyền SHTT, quyền và nghĩa vụ đối với TSTT và một số quy định đặc thù trong quản lý, khai thác, định giá TSTT của cá nhân, doanh nghiệp để tạo hành lang pháp lý đồng bộ cho khai thác TSTT, đặc biệt là việc dùng TSTT làm tài sản thế chấp dựa trên một số quyền như quyền thu tiền bản quyền theo hợp đồng li-xăng đang có hiệu lực thực hiện, quyền góp vốn bằng TSTT trong dự án đầu tư, dự án đổi mới công nghệ, dự án mở rộng sản xuất kinh doanh đã được đánh giá tiềm năng; quyền sở hữu, quyền sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp đã được cấp bằng độc quyền hoặc thiết kế bố trí mạch tích hợp đã được cấp giấy chứng nhận và đang được áp dụng trong sản xuất thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ,...
- (iv) Cần phát huy vai trò của bên thứ ba, đặc biệt là các đối tác hợp tác, liên doanh, liên kết với chủ sở hữu TSTT, tổ chức thu tiền bản quyền, tổ chức đại diện SHTT cho các bên liên quan, cơ quan có thẩm quyền xác nhận hiệu lực hợp đồng li-xăng, hiệu lực của văn bằng bảo hộ, khả năng chuyển giao quyền cho bên thứ ba, tình trạng sử dụng đối tượng SHTT, tình trạng tranh chấp liên quan đến đối tượng SHTT. Bên thứ ba cần thiết phải là tổ chức, doanh nghiệp có uy tín và họ có thể đóng vai trò bảo lãnh cho bên có TSTT và sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm liên đới cho bên thế chấp bằng TSTT. Ví dụ: họ sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản vay cho bên nhận thế chấp và tiếp nhận TSTT hoặc chuyển giao cho bên thứ ba tiếp nhận TSTT đó khi bên thế chấp không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng thế chấp. Tổ

chức tư vấn giá đối với TSTT, tổ chức thẩm định giá TSTT cũng có trách nhiệm cung cấp dịch vụ hỗ trợ khi các bên liên quan có yêu cầu;

- (v) Nghiên cứu đề ban hành các quy định đặc thù trong hạch toán TSTT của doanh nghiệp để có căn cứ pháp lý cho việc xác định giá trị của doanh nghiệp trong Luật Kế toán, Luật Doanh nghiệp;
- (vi) Nghiên cứu thành lập mạng lưới trung tâm tư vấn về tài chính TSTT trong hệ sinh thái khởi nghiệp và hệ thống ĐMST quốc gia để kết nối chuyên gia, cố vấn, đơn vị có khả năng tiếp cận và làm việc với tổ chức tài chính với vai trò của bên thứ ba bảo lãnh cho doanh nghiệp có TSTT muốn sử dụng làm tài sản thế chấp. Mạng lưới trung tâm tư vấn này có thể trực thuộc Bộ Tư pháp, Bộ KH&CN hoặc Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

## **6. Kết luận**

Phát triển và khai thác TSTT nhằm tạo nguồn lực tài chính cho chủ sở hữu đòi hỏi sự tham gia, tương tác của nhiều chủ thể (doanh nghiệp sở hữu TSTT, tổ chức bảo lãnh TSTT, tổ chức tài trợ vốn của Chính phủ, bên cho vay, nhà đầu tư,...) thông qua các nghiệp vụ có tính đặc thù, chuyên sâu gắn với tài chính, tài sản và SHTT (bảo hộ quyền SHTT, tài trợ vốn, các khoản vay,...). Phát triển hệ sinh thái tài chính SHTT góp phần tạo nguồn lực tài chính ổn định cho các chủ thể chính nắm giữ TSTT, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân sáng tạo thêm nhiều TSTT, các doanh nghiệp tăng cường ĐMST, các nhà khoa học, viện, trường, nhà khởi nghiệp,... tham gia tích cực vào các dự án nghiên cứu, qua đó góp phần phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và hệ thống ĐMST quốc gia.

Các nước phát triển đạt được sự phát triển mạnh mẽ của hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST và hệ thống ĐMST quốc gia một phần qua việc phát triển và khai thác các công cụ tài chính dựa trên TSTT. Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc hay Hoa Kỳ là những ví dụ điển hình cho điều này với quy định làm rõ các loại hình TSTT và thực hiện các chương trình hỗ trợ thúc đẩy sự tương tác, kết nối mạnh mẽ của các chủ thể trong hệ sinh thái, thiết lập các công cụ tài chính dựa trên TSTT nhằm tạo nguồn lực cho các doanh nghiệp sáng tạo.

Việt Nam có thể khai thác TSTT thành các nguồn lực tài chính với việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, trong đó nghiên cứu ban hành các cơ chế khuyến khích khai thác TSTT thành công cụ tài chính, tạo nguồn lực từ tài sản vô hình cho phát triển các mô hình doanh nghiệp sáng tạo, ban hành các quy định đặc thù trong hạch toán TSTT của doanh nghiệp để có căn cứ pháp lý cho việc xác định giá trị của doanh nghiệp, thiết lập các nền tảng định giá tài sản vô hình, cho phép thí điểm cơ chế đặc thù trong khuôn

khô (sandbox), chẳng hạn bảo lãnh các khoản vay hoặc trợ cấp lãi suất đối với các chủ thể nắm giữ TSTT./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội.
2. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
3. Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19/6/2017.
4. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
5. Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN.
6. Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
7. Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
8. Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá số 13.
9. Thông tư liên tịch số 39/2014/TT-BKH&CN-BTC ngày 17/12/2014 của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính Quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.
10. OECD (2015a). IP-based financing of innovative firms. *Enquiries into intellectual property's economic impact*. OECD Publishing.
11. OECD (2015b). IP-based financing of innovative firms. enquiries into intellectual property's economic impact.
12. Cohen, B. (2006). Sustainable valley entrepreneurial ecosystems. *Bus. Strategy Environ*, 15, 1-14.
13. Drori, G. S., Barkai, O., Ben-Dor, A., Berger, N., Bucevschi, A., Caspi, N., Netivi, A. & Etzkowitz, H. (2013). *The Helix Model of Innovation in Israel: The institutional and relational landscape of israel's innovation economy*. Jerusalem, Israel.
14. Verma, S. K. (2006). Financing of intellectual property: developing countries' context. *Journal of Intellectual Property Rights*, 22-32.
15. RADAUER, A. (2020). Opportunities to reap financing through IP for innovation. *Global Innovation Index 2020*.
16. Tripathi, N., Seppänen, P., Boominathan, G., Oivo, M. & Liukkonen, K. (2019). Insights into startup ecosystems through exploration of multi-vocal literature. *Information and Software Technology*, 105, 56-77.